

MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

NGUYỄN VĂN TIÊN*

Sau 30 năm đổi mới, nhờ những chính sách đúng đắn, nông nghiệp, nông thôn nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, phát huy được vai trò của kinh tế hộ, hợp tác xã và các doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn. Song bên cạnh đó, cần có nhiều giải pháp tích cực hơn nữa nhằm khuyến khích đội ngũ doanh nghiệp đầu tư phát triển một nền nông nghiệp bền vững.

Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4-6-2010, *Phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020*; Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10-6-2013, *Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*.

Luật Đất đai năm 2013 đã nâng thời hạn giao đất nông nghiệp trong hạn mức cho hộ gia đình, cá nhân từ 20 năm lên 50 năm, thống nhất cho các loại đất nông nghiệp; cho phép hộ gia đình trực tiếp sản xuất tích tụ đất đai để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản; đất làm muối với diện tích lớn hơn nhưng không vượt quá 3ha cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, đối với khu vực khác không quá 2ha cho mỗi loại đất; đất trồng cây lâu năm không

quá 10ha đối với xã, phường, thị trấn đồng bằng, không quá 30ha đối với trung du, miền núi; đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất không quá 30ha. Khuyến khích tích tụ đất đai thông qua cơ chế góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, nhận quyền thuê đất để thuận lợi cho ứng dụng khoa học công nghệ và cơ giới hóa, phát triển sản xuất hàng hóa. Luật Đầu tư công (số 49/2014/QH13), Luật Ngân sách nhà nước (số 83/2015/QH13), Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, ngày 19-12-2013, của Chính phủ, *Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*⁽¹⁾,... Vốn đầu tư cho nông, lâm nghiệp, thủy sản trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội tăng theo các năm (giai đoạn 2004 - 2008 là 17%/năm, giai đoạn 2009 - 2013 là 5,8%/năm). Giai đoạn 2009 - 2013, nguồn vốn đầu tư cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy

* Vụ trưởng Vụ Nông nghiệp - Nông thôn, Ban Kinh tế Trung ương

(1) Thay thế Nghị định số 61/2010/NĐ-CP, ngày 4-6-2010, của Chính phủ, *Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*

sản tăng 67% so với giai đoạn 2004 - 2008, nhưng tỷ trọng đầu tư cho nông, lâm nghiệp và thủy sản lại giảm dần. Năm 2003, đầu tư cho nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 8,46% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, năm 2013 con số này chỉ còn 5,8%. Năm 2014, đầu tư cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Những ưu đãi, hỗ trợ mạnh mẽ từ Nhà nước theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP là cơ sở để kỳ vọng thu hút các doanh nghiệp đạt kết quả khả quan, góp phần tăng nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Ngoài ra còn được hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ phát triển thị trường mà trong đó hỗ trợ chi phí quảng cáo đến 70%, được hỗ trợ dịch vụ tư vấn, hỗ trợ áp dụng khoa học và công nghệ, hỗ trợ cước phí vận tải; nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi cũng được ưu tiên và chú trọng đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (Nghị định 38/2013/NĐ-CP, ngày 23-4-2013, của Chính phủ, *Về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ*). Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 9-6-2015, của Chính phủ, Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn⁽²⁾, Nghị định số 75/2011/NĐ-CP *Về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước*; Quyết định 68/2013/QĐ-TTg, *Về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp*⁽³⁾; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg *Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn*⁽⁴⁾; Quyết định số 1050/QĐ-NHNN, ngày 28-5-2014, của Ngân hàng Nhà nước *Về Chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết số 14/NQ-CP*, quy định về việc cho vay thí điểm đối với các mô hình liên kết trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp...

Nhìn chung, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực có lợi nhuận thấp, rủi ro kép - rủi ro do thiên tai, dịch bệnh và rủi ro do giá cả thị trường bấp bênh trong điều kiện hạ tầng kỹ thuật của ngành còn nhiều yếu kém, song doanh nghiệp nông nghiệp đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo và bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ hệ sinh thái rừng nhiệt đới để phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Quyết định số 418/QĐ-TTg, ngày 11-4-2012, của Thủ tướng Chính phủ, *Về việc phê duyệt chiến lược phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2011 - 2020*; Quyết định số 1895/QĐ-TTg, ngày 17-12-2012, của Thủ tướng Chính phủ, *Về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020*.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, ngày 25-10-2013, *Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn*. Hiện nay xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình liên kết trong sản xuất, như mô hình chăn nuôi gia công, hợp tác xã và các chuỗi sản xuất khép kín... Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức hội nghị sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ lúa gạo, xây dựng "cánh đồng mẫu lớn"

(2) Thay thế Nghị định số 41/2010/NĐ - CP, ngày 12-4-2010, của Chính phủ, *Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*

(3) Thay thế quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg

(4) Thay thế Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg

tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả, vụ hè thu năm 2014 đã có 101 doanh nghiệp ký hợp đồng sản xuất và bao tiêu lúa gạo cho nông dân với diện tích hơn 77.420ha, trong đó, hợp đồng thành công là 42.605,6ha, bằng 55% diện tích đã ký (tăng 15% so với vụ hè thu năm 2013). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hiệp hội Lương thực Việt Nam đã chỉ đạo 16 doanh nghiệp thuộc Hiệp hội ở 8 tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long thí điểm thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ lúa gạo. Kết quả đã có 12.886ha được thực hiện thông qua hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp với nông dân. Trong đó, doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm trên thực tế là 9.923ha, đạt 80% với 2 hình thức liên kết (doanh nghiệp với nông dân thông qua hợp tác xã; trực tiếp giữa doanh nghiệp với nông dân). Mô hình “cánh đồng mẫu lớn” được nhiều địa phương hưởng ứng và nhân rộng ở 43 tỉnh, trên diện tích khoảng 100.000ha trồng lúa.

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ đến năm 2020 (Quyết định số 735/QĐ-TTg, ngày 18-5-2011). Mục tiêu chính của hợp tác quốc tế là góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia hiện đại trong một số lĩnh vực khoa học - công nghệ, rút ngắn khoảng cách về trình độ khoa học - công nghệ với quốc tế vào năm 2020. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 31/NQ-CP, ngày 13-5-2014, Ban hành *Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10-4-2013 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế và Nghị quyết số 49/NQ-CP, ngày 10-7-2014, Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại*

thế giới (WTO). Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg, ngày 7-7-2015, *Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 22 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế*. Trên cơ sở đó, các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong khuôn khổ đa phương và song phương được duy trì và phát triển. Một số chương trình hợp tác với các đối tác nước ngoài được triển khai mạnh mẽ, góp phần hỗ trợ đổi mới, sáng tạo, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu...

Những khó khăn trong quá trình thực hiện và khuyến nghị giải pháp

Mặc dù Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách rất cụ thể nhằm thu hút, khuyến khích phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tuy nhiên những chủ trương, chính sách đến nay vẫn còn chậm được triển khai khi đi vào cuộc sống. Những vướng mắc, cản trở chủ yếu là:

- Thủ tục và các quy định đặt ra cho doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản (DN NLTS) đang là một trong những hạn chế đáng lo ngại, có tới 79,2% DN NLTS được điều tra mong muốn Nhà nước tiếp tục cải cách hành chính để tạo điều kiện thông thoáng hơn cho doanh nghiệp (DN) phát triển. Báo cáo *Tạo thuận lợi cho kinh doanh nông nghiệp 2016* của Ngân hàng Thế giới dựa trên điều tra 40 nước trên thế giới cho thấy, môi trường kinh doanh nông nghiệp tại Việt Nam ở dưới mức trung bình so với các nước.

- Về đất đai và kết cấu hạ tầng phục vụ kinh doanh. Tình trạng thiếu đất cho vùng nguyên liệu, thiếu đất xây dựng trụ sở, khu chế biến, giá thuê đất cao là cản trở chính yếu nhất đối với doanh nghiệp đầu tư và phát triển sản xuất, kinh doanh ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Chính sách tạo quỹ đất xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho các công đoạn sau thu hoạch, như phơi sấy, chế

biển, kho chứa... còn chưa được xây dựng. Các quy định và hướng dẫn về góp vốn bằng quyền sử dụng đất chưa đầy đủ, rõ ràng để người dân an tâm góp vốn với DN. Chính sách khuyến khích chuyển đổi, tích tụ ruộng đất nông nghiệp dưới hình thức trang trại, gia trại, “cánh đồng mẫu lớn”..., đã được triển khai nhưng chậm được tổng kết, rút kinh nghiệm, nên chưa tạo động lực mạnh mẽ cho DN cũng như người dân thực hiện.

Đối với việc xây dựng kết cấu hạ tầng cho dự án đầu tư nông nghiệp và dự án ứng dụng công nghệ cao, Nhà nước đầu tư điện, đường tại chân công trình xây dựng dự án, nhưng thực tế, hầu hết các địa phương thiếu ngân sách để đầu tư các công trình này, nên các DN phải tự túc, gây rất nhiều khó khăn khi đầu tư mới hoặc mở rộng đầu tư.

- Nhiều DN NLTS còn khó tiếp cận vốn tín dụng. Nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống ngân hàng và tài chính ở khu vực nông thôn còn quá yếu, thiếu động lực cho vay tại nông thôn, đặc biệt đối với nông hộ và DN nhỏ, do chi phí giao dịch, quản lý, giám sát thấp, nhưng rủi ro cao. Ngoài ra, do thủ tục còn nhiều phức tạp nên kể cả khi có những gói hỗ trợ tín dụng của Nhà nước, thì người nông dân và DN nhỏ mặc dù thực sự có nhu cầu, nhưng cũng rất khó được tiếp cận.

- Việc triển khai thực hiện chính sách khuyến khích ưu đãi cho phát triển DN NLTS còn gặp nhiều vướng mắc, cản trở. Do thiếu nguồn tài chính để thực thi chính sách hỗ trợ DN nên các địa phương thường tập trung vào các chính sách tốn ít kinh phí, như thực thi chính sách miễn, giảm tiền thuê đất hoặc các hỗ trợ nhỏ thông qua các chương trình, như đào tạo nghề, hỗ trợ mua máy móc, thiết bị theo chương trình khuyến công...

- Các chính sách và chương trình trợ giúp DN đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm, thủy sản chưa được tổng kết, đánh giá cụ thể. Thời gian xây dựng, ban hành một số chính sách còn kéo dài, chưa đi vào cuộc sống, chậm

trễ trong triển khai thực hiện, làm mất hiệu quả chính sách. Quy mô hỗ trợ cho DN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn hạn hẹp; chất lượng và nội dung hỗ trợ chưa cao. Các hỗ trợ theo cơ cấu vùng, miền và ngành, nghề chưa hợp lý. Chính sách hỗ trợ còn thiếu tính đồng bộ, còn đơn lẻ, rời rạc; việc phối hợp, kết hợp giữa các chính sách chưa đồng bộ. Phương pháp xây dựng chính sách còn chậm được đổi mới.

- Năng lực liên kết với các đối tác, khả năng tìm kiếm và tiếp cận thông tin thị trường của chủ DN NLTS còn yếu. Đây là nguyên nhân chính gây cản trở tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN NLTS. Ngoài ra, do chủ doanh nghiệp còn chưa có kiến thức sâu, rộng về các rào cản kỹ thuật, các quy định thương mại quốc tế, nên cũng làm hạn chế hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN NLTS trước những bất ổn về giá cả đầu vào, đầu ra. Năng lực cạnh tranh thấp, hiệu quả sản xuất, kinh doanh không cao, còn nhiều khó khăn, rủi ro tiềm ẩn. Phần lớn DN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

Để thu hút DN đầu tư phát triển nông nghiệp bền vững trong giai đoạn 2016 - 2020, xin khuyến nghị thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, xây dựng quy hoạch, quản lý sử dụng đất nông nghiệp một cách hợp lý, đầu tư đồng bộ hóa kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp để phát huy lợi thế ở mỗi địa bàn gắn với lợi ích cụ thể mà người nông dân được hưởng. Đẩy nhanh quá trình tập trung, tích tụ đất sản xuất nông nghiệp, nâng cao quy mô sản xuất của các hộ sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên nghiệp hóa. Khuyến khích, tạo điều kiện, hỗ trợ các hộ nông dân có thể chuyên nhượng, thuê đất nông nghiệp dễ dàng, thuận lợi để mở rộng diện tích, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật, quản trị sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng,

giảm giá thành, nâng cao giá trị, năng lực cạnh tranh hàng hóa nông sản.

Hai là, khuyến khích DN đầu tư, tham gia quá trình tổ chức sản xuất theo chuỗi, ký kết hợp đồng cung ứng vật tư, bao tiêu sản phẩm theo hình thức xây dựng “Cánh đồng mẫu lớn”; tạo điều kiện thuận lợi để các DN công nghệ cao tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, tiếp nhận công nghệ mới, ứng dụng khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng nông, lâm, thủy sản, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, thúc đẩy sản xuất theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, mở rộng thị trường.

Ba là, tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, khuyến khích mạnh mẽ hơn nữa để thu hút DN đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Nghiên cứu, đề xuất chính sách bảo hiểm nông nghiệp, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp khi gặp thiên tai, rủi ro do thời tiết; đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ mới, công nghệ cao vào nông nghiệp, nông thôn; xây dựng liên kết sản xuất giữa DN với hợp tác xã, trang trại, gia trại, nông dân để sản xuất nông nghiệp hàng hóa có chất lượng và giá trị gia tăng cao theo chuỗi giá trị.

Bốn là, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi một số chính sách ưu đãi về thuế (đất đai, vật tư nông nghiệp, VAT...) nhằm khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ DN tập trung đầu tư sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; khuyến khích đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích DN tư nhân tham gia đào tạo nghề cho nông dân theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27-11-2009, của Thủ tướng Chính phủ.

Năm là, xây dựng và phát triển hệ thống định chế tài chính đầu tư đến tận nông hộ, ưu đãi đầu tư và thuế cho các ngành liên

thông với nông nghiệp (công nghệ sinh học, phân bón, nông dược, cơ khí nông nghiệp, sản xuất chế biến). Tăng đầu tư, hỗ trợ DN từ khâu chọn giống, canh tác xanh, thu hoạch, sơ chế, chế biến tinh, thương mại, tài chính nông nghiệp. Phát triển các chuỗi giá trị gia tăng thông qua việc xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm và dịch vụ ở tất cả các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực, từ chiều sâu đến chiều rộng; xây dựng hệ thống các trung tâm kết nối và liên thông các nguồn lực tài chính, đầu tư, công nghệ và sáng tạo để phục vụ phát triển chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp. Tạo điều kiện để các DN trong sản xuất nông nghiệp dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn, quỹ đầu tư, gắn nghiên cứu với ứng dụng chuyển giao công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, hỗ trợ, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, từng bước hình thành phương thức liên kết sản xuất, kinh doanh nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ - tiêu thụ tại các địa phương.

Sáu là, đẩy nhanh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại trong sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ hàng hóa; ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra và chủ động được nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tăng nhanh giá trị gia tăng trên mỗi đơn vị diện tích canh tác. Hình thành và phát triển hệ thống các tổ chức khoa học - công nghệ, gắn kết giữa hệ thống nghiên cứu khoa học - công nghệ của Nhà nước với DN, hợp tác xã, người nông dân. Xây dựng và phát triển các khu ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ.

Bảy là, tăng cường vai trò của các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành, nghề trong quá trình đối thoại, tham vấn xây dựng chính sách, kiểm tra, giám sát và thực hiện các chương trình trợ giúp DN trong lĩnh vực nông nghiệp. □